HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35 /NQ-HĐND	*Cà Mau, ngày 02 tháng 11 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 6926/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến Phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Cà Mau như sau:

Tổng Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Cà Mau là 7.291.832 triệu đồng; trong đó, vốn trong nước là 6.089.473 triệu đồng (bao gồm thu hồi các khoản vốn ứng trước 182.373 triệu đồng), vốn nước ngoài 1.202.359 triệu đồng, được phân bổ như sau:

1. Vốn trong nước: 6.089.473 triệu đồng, được phân bổ cho các lĩnh vực sau:

a) Y tế, dân số và gia đình: 2.347.313 triệu đồng.

b) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 157.866 triệu đồng (bao gồm bố trí thu hồi các khoản ứng trước ngân sách trung ương 82.373 triệu đồng).

c) Khu công nghiệp và khu kinh tế: 74.250 triệu đồng.

d) Giao thông: 3.359.822 triệu đồng (bao gồm bố trí thu hồi các khoản ứng trước ngân sách trung ương 100.000 triệu đồng).

đ) Môi trường: 79.222 triệu đồng.

e) Quốc phòng: 71.000 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục I)

2. Vốn nước ngoài: 1.202.359 triệu đồng, được phân bổ cho các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: 330.030 triệu đồng.

b) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 872.329 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục II)

Điều 2. Thống nhất Phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2022 của tỉnh Cà Mau như sau:

Tổng Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2022 của tỉnh Cà Mau là 1.015.000 triệu đồng; trong đó, vốn trong nước là 740.000 triệu đồng, vốn nước ngoài 275.000 triệu đồng; được phân bổ như sau:

1. Vốn trong nước: 740.000 triệu đồng, được phân bổ cho các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: 40.000 triệu đồng.

b) Giao thông: 480.000 triệu đồng.

c) Y tế, dân số và gia đình: 220.000 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục III)

2. Vốn nước ngoài: 275.000 triệu đồng, được phân bổ cho các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: 160.000 triệu đồng.

b) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 115.000 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục IV)

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Nguyễn Tiến Hải

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số: 35 /NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021		Kế hoạch năm 2021				Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Trong đó: NSTW				Trong đó: NSTW				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Mức vốn bố trí các Dự án quan trọng quốc gia, có tính chất liên vùng theo văn bản số 419/TTg-KTTH (bao gồm vốn CBĐT - nếu có)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
	TỔNG SỐ						**11.549.702**	**7.914.516**	**2.240.101**	**1.628.459**	**2.157.395**	**1.550.980**	**1.250.361**	**1.112.280**	**182.373**		**8.956.275**	**6.089.473**	**182.373**		**8.956.275**	**6.089.473**	**182.373**		**1.300.000**	
I	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**						**3.322.575**	**2.347.313**					**1.777**				**3.322.575**	**2.347.313**			**3.322.575**	**2.347.313**				
(1)	**Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**						**3.322.575**	**2.347.313**					**1.777**				**3.322.575**	**2.347.313**			**3.322.575**	**2.347.313**				
a	***Dự án nhóm A***						***3.322.575***	***2.347.313***					***1.777***				***3.322.575***	***2.347.313***			***3.322.575***	***2.347.313***				
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	7602257	TP. Cà Mau	1.200 giường	2020 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	3.322.575	2.347.313					1.777				3.322.575	2.347.313			3.322.575	2.347.313				
II	**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**						**991.813**	**746.548**	**627.788**	**392.098**	**545.082**	**314.619**	**190.670**	**157.866**	**82.373**		**211.670**	**157.866**	**82.373**		**211.670**	**157.866**	**82.373**			
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020**						**402.547**	**367.363**	**225.591**	**89.401**	**220.364**	**89.401**	**82.373**	**82.373**	**82.373**		**82.373**	**82.373**	**82.373**		**82.373**	**82.373**	**82.373**			
a	***Dự án nhóm B***						***144.560***	***130.104***	***132.636***	***48.996***	***132.585***	***48.996***	***885***	***885***	***885***		***885***	***885***	***885***		***885***	***885***	***885***			
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2008 - 2010)	7070714	U Minh	8.527 ha	2010-2015	936/QĐ-UBND 12/6/2008	144.560	130.104	132.636	48.996	132.585	48.996	885	885	885		885	885	885		885	885	885			
b	***Dự án nhóm C***						***257.987***	***237.259***	***92.955***	***40.405***	***87.779***	***40.405***	***81.488***	***81.488***	***81.488***		***81.488***	***81.488***	***81.488***		***81.488***	***81.488***	***81.488***			
1	Dự án đầu tư khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	7084308	Năm Căn	Các hạng mục	2007-2010	469/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	46.985	46.985	36.109	7.669	31.337	7.669	3.528	3.528	3.528		3.528	3.528	3.528		3.528	3.528	3.528			
2	Dự án khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân (Điểm vàm kênh Cái Cám)	7006162	Phú Tân	Các hạng mục	2010-2017	1341/QĐ-UBND 06/8/2009	69.701	67.111	56.846	32.736	56.442	32.736	98	98	98		98	98	98		98	98	98			
3	Nạo vét các kênh mương các huyện Trần Văn Thời, U Minh và Thới Bình và nạo vét Kênh 29 (Khai Hoang - Đê biển Tây) thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau giai đoạn II (2013 - 2016)	7598523; 7600033; 7600719; 7600722; 7600724; 7600727; 7600728; 7601025; 7422113	H.TVT, UM, TB	15ha	2016	Nhiều dự án	14.000	14.000					13.442	13.442	13.442		13.442	13.442	13.442		13.442	13.442	13.442			
4	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng 05 mạng nước tập trung nông thôn	7565950; 7565957; 7565961; 7565962; 7565964	Các huyện TVT, UM, NC	138m3/h	2016	255/QĐ-SXD ngày 14/9/2016; 256/QĐ-SXD ngày 14/9/2016; 261/QĐ-SXD ngày 23/9/2016; 264/QĐ-SXD ngày 28/9/2016; 265/QĐ-SXD ngày 28/9/2016	21.940	18.965					4.385	4.385	4.385		4.385	4.385	4.385		4.385	4.385	4.385			
5	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt trên đảo Hòn Khoai, tỉnh Cà Mau	7351084	Huyện Ngọc Hiển	Ngân mặn	2016	1370/QĐ-UBND ngày 19/9/1013	33.441	33.441					12.000	12.000	12.000		12.000	12.000	12.000		12.000	12.000	12.000			
6	Công trình cấp nước tập trung nông thôn chợ Vàm Cái Tàu, xã Khánh An; Công trình cấp nước tập trung nông thôn Kênh T29 - T93, Nguyễn Phích, huyện U Minh	7590476; 7590477	Huyện U Minh	30m3/h	2016	378/QĐ-SXD ngày 15/12/2016; 390/QĐ-SXD ngày 26/12/2016	8.378	7.540					7.541	7.541	7.541		7.541	7.541	7.541		7.541	7.541	7.541			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư: Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư: TMĐT: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định đầu tư: TMĐT: Trong đó: NSTW	Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020: Trong đó: NSTW	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021: Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm 2021: Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021: Trong đó: NSTW: Tổng số	Kế hoạch năm 2021: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Kế hoạch năm 2021: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025: Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025: Trong đó: NSTW: Tổng số	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: NSTW: Tổng số	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: NSTW: Trong đó: Mức vốn bố trí các Dự án quan trọng quốc gia, có tính chất liên vùng theo văn bản số 419/TTg-KTTH (bao gồm vốn CBĐT - nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
7	Công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Nguyễn Việt Khái, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân	7590478; 7590480	Huyện Phú Tân	30m3/h	2016	401/QĐ-SXD ngày 29/12/2016; 397/QĐ-SXD ngày 27/12/2016	18.028	13.000					13.000	13.000	13.000		13.000	13.000	13.000		13.000	13.000	13.000			
8	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp 10A, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, Trại Lưới B, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	7590482; 7590488	H.TVT, NC	Các hạng mục	2016	379/QĐ-SXD ngày 15/12/2016; 410/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	12.557	8.999					8.999	8.999	8.999		8.999	8.999	8.999		8.999	8.999	8.999			
9	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp Hưng Hiệp, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	7590484	Huyện Phú Tân	30m3/h	2016	409/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	5.968	4.000					4.000	4.000	4.000		4.000	4.000	4.000		4.000	4.000	4.000			
10	Công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	7590486	Huyện Đầm Dơi	25m3/h	2016	399/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	6.171	4.495					4.495	4.495	4.495		4.495	4.495	4.495		4.495	4.495	4.495			
11	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	7590474	TP Cà Mau	203/h	2016	377/QĐ-SXD ngày 15/12/2016	6.095	4.000					4.000	4.000	4.000		4.000	4.000	4.000		4.000	4.000	4.000			
12	Cống Kênh Xáng Mới thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	7211283	Huyện U Minh	Ngăn mặn	2016	446/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	14.723	14.723					6.000	6.000	6.000		6.000	6.000	6.000		6.000	6.000	6.000			
(2)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021**						**589.266**	**379.185**	**402.197**	**302.697**	**324.718**	**225.218**	**108.297**	**75.493**			**129.297**	**75.493**			**129.297**	**75.493**				
a	***Dự án nhóm B***						***524.345***	***314.264***	***352.271***	***252.771***	***276.539***	***177.039***	***94.297***	***61.493***			***115.297***	***61.493***			***115.297***	***61.493***				
1	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	7296707	Đầm Dơi	2.773 m	2016-2021	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1268/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 30/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	220.000	159.400	190.883	131.883	131.084	72.084	27.517	27.517			27.517	27.517			27.517	27.517				
2	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	7005815	Năm Căn	826,6 m	2014-2023	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	89.741	35.000	14.600	10.000	14.600	10.000	25.000	25.000			25.000	25.000			25.000	25.000				
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	7027480	U Minh	700 chiếc/150 CV	2016-2021	1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; 1064/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; 1603/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	140.871	93.864	105.188	85.888	89.255	69.955	30.780	7.976			30.780	7.976			30.780	7.976				
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7599744	UM, TVT	Các hạng mục	2016-2021	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1585/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	73.733	26.000	41.600	25.000	41.600	25.000	11.000	1.000			32.000	1.000			32.000	1.000				
b	***Dự án nhóm C***						***64.921***	***64.921***	***49.926***	***49.926***	***48.179***	***48.179***	***14.000***	***14.000***			***14.000***	***14.000***			***14.000***	***14.000***				
1	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở tại cửa biển Hương Mai (đoạn từ cống Hương Mai đến đê biển Tây), xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7757263	U Minh	1.143m	2019-2021	1226/QĐ-UBND ngày 25/7/2019; 1061/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	64.921	64.921	49.926	49.926	48.179	48.179	14.000	14.000			14.000	14.000			14.000	14.000				
III	**KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**						**217.078**	**204.490**	**130.240**	**130.240**	**130.240**	**130.240**	**74.250**	**74.250**			**74.250**	**74.250**			**74.250**	**74.250**				
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021**						**217.078**	**204.490**	**130.240**	**130.240**	**130.240**	**130.240**	**74.250**	**74.250**			**74.250**	**74.250**			**74.250**	**74.250**				
a	***Dự án nhóm B***						***217.078***	***204.490***	***130.240***	***130.240***	***130.240***	***130.240***	***74.250***	***74.250***			***74.250***	***74.250***			***74.250***	***74.250***				

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021		Kế hoạch năm 2021				Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Trong đó: NSTW				Trong đó: NSTW				Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Trong đó: Mức vốn bố trí các Dự án quan trọng quốc gia, có tính chất liên vùng theo văn bản số 419/TTg-KTTH (bao gồm vốn CBĐT - nếu có)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư Khu kinh tế Năm Căn	7726973	Năm Căn	25 ha	2018-2021	1763/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1269/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1054/QĐ-UBND ngày 12/6/2020; 2547/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1081/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	217.078	204.490	130.240	130.240	130.240	130.240	74.250	74.250			74.250	74.250			74.250	74.250				
IV	**GIAO THÔNG**						**6.033.563**	**4.176.822**	**1.194.220**	**840.000**	**1.194.220**	**840.000**	**785.398**	**785.398**	**100.000**		**4.744.075**	**3.359.822**	**100.000**		**4.744.075**	**3.359.822**	**100.000**		**1.300.000**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020**						**452.770**	**100.000**	**352.770**		**352.770**		**100.000**	**100.000**	**100.000**		**100.000**	**100.000**	**100.000**		**100.000**	**100.000**	**100.000**			
a	***Dự án nhóm B***						***452.770***	***100.000***	***352.770***		***352.770***		***100.000***	***100.000***	***100.000***		***100.000***	***100.000***	***100.000***		***100.000***	***100.000***	***100.000***			
1	Đề án xây dựng 1.588 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7179518	Các H, TP	1.588 cầu GTNT	2009 - 2010	1642/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	452.770	100.000	352.770		352.770		100.000	100.000	100.000		100.000	100.000	100.000		100.000	100.000	100.000			Điều chỉnh tăng 100 tỷ đồng hoàn ứng NSTW (từ nguồn điều chỉnh giảm 100 tỷ đồng của Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi)
(2)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021**						**1.159.718**	**1.040.000**	**841.450**	**840.000**	**841.450**	**840.000**	**223.000**	**223.000**			**223.000**	**223.000**			**223.000**	**223.000**				
a	***Dự án nhóm B***						***1.159.718***	***1.040.000***	***841.450***	***840.000***	***841.450***	***840.000***	***223.000***	***223.000***			***223.000***	***223.000***			***223.000***	***223.000***				
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	7618350	Các huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn	CTGT đường cấp II; cầu cấp III, IV.	2017-2022	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	1.159.718	1.040.000	841.450	840.000	841.450	840.000	223.000	223.000			223.000	223.000			223.000	223.000				Điều chỉnh tăng 23 tỷ đồng (từ nguồn điều chỉnh giảm 23 tỷ đồng Dự án xây dựng bến cập tàu Bãi Nhỏ và đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai)
(2)	**Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**						**4.421.075**	**3.036.822**					**462.398**	**462.398**			**4.421.075**	**3.036.822**			**4.421.075**	**3.036.822**			**1.300.000**	
a	***Dự án nhóm B***						***4.421.075***	***3.036.822***					***462.398***	***462.398***			***4.421.075***	***3.036.822***			***4.421.075***	***3.036.822***			***1.300.000***	
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào	7875095	ĐD, CN, TVT	18 km, 02 cầu lớn	2021 - 2024	2387/QĐ-UBND ngày 10/12/2020; 977/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	1.300.000					462.398	462.398			2.149.476	1.300.000			2.149.476	1.300.000			1.300.000	
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)	7864568	TP.CM, Đầm Dơi	19,2 km	2021 - 2024	2057/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	774.771	533.468									774.771	533.468			774.771	533.468				Điều chỉnh giảm 100 tỷ đồng để bố trí hoàn trả tạm ứng NSTW Đề án xây dựng 1.588 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh
3	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm		Cái Nước, Phú Tân	25,3km, 01 cầu	2022 - 2025	1288/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	736.437	623.007									736.437	623.007			736.437	623.007				
4	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội		U Minh	18,3km, 03 cầu	2022 - 2025	1289/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	760.391	580.347									760.391	580.347			760.391	580.347				
V	**MÔI TRƯỜNG**						**567.973**	**92.758**	**35.268**	**13.536**	**35.268**	**13.536**	**127.266**	**23.766**			**532.705**	**79.222**			**532.705**	**79.222**				
(1)	**Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025**						**567.973**	**92.758**	**35.268**	**13.536**	**35.268**	**13.536**	**127.266**	**23.766**			**532.705**	**79.222**			**532.705**	**79.222**				
a	***Dự án nhóm B***						***567.973***	***92.758***	***35.268***	***13.536***	***35.268***	***13.536***	***127.266***	***23.766***			***532.705***	***79.222***			***532.705***	***79.222***				
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	Thành phố Cà Mau	8.000 m^3/ngày đêm	Đến tháng 9/2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	92.758	35.268	13.536	35.268	13.536	127.266	23.766			532.705	79.222			532.705	79.222				
VI	**QUỐC PHÒNG**						**416.700**	**346.585**	**252.585**	**252.585**	**252.585**	**252.585**	**71.000**	**71.000**			**71.000**	**71.000**			**71.000**	**71.000**				
(1)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021**						**416.700**	**346.585**	**252.585**	**252.585**	**252.585**	**252.585**	**71.000**	**71.000**			**71.000**	**71.000**			**71.000**	**71.000**				
a	***Dự án nhóm B***						***416.700***	***346.585***	***252.585***	***252.585***	***252.585***	***252.585***	***71.000***	***71.000***			***71.000***	***71.000***			***71.000***	***71.000***				

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021		Kế hoạch năm 2021				Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
															Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Mức vốn bố trí các Dự án quan trọng quốc gia, có tính chất liên vùng theo văn bản số 419/TTg-KTTH (bao gồm vốn CBĐT - nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	Dự án xây dựng bến cập tàu Bãi Nhỏ và đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai	7027429	Đảo Hòn Khoai, Huyện Ngọc Hiển	Bến cập tàu 400CV; Đường tuần tra cấp VI miền núi: 10,4km	2016-2021	19/QĐ-UBND ngày 03/02/2016; 296/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 244/QĐ-UBND ngày 21/6/2021; 1646/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	416.700	346.585	252.585	252.585	252.585	252.585	71.000	71.000			71.000	71.000			71.000	71.000				Điều chỉnh giảm 23 tỷ đồng bố trí cho Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI)

(Kèm theo Nghị quyết số 35 /NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư: Số quyết định	TMĐT: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng: Tổng số	Vốn đối ứng: Trong đó: vốn NSTW	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định): Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt: Tổng số	Trong đó: Đưa vào cân đối NSTW	Trong đó: Vay lại
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	TỔNG SỐ							**2.341.822**	**533.892**	**92.758**		**1.807.930**	**1.350.738**	**357.192**
I	**MÔI TRƯỜNG**							**567.973**	**224.527**	**92.758**		**343.446**	**343.446**	
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang***							***567.973***	***224.527***	***92.758***		***343.446***	***343.446***	
a	***Dự án nhóm B***							***567.973***	***224.527***	***92.758***		***343.446***	***343.446***	
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	TP Cà Mau	Italia	22.5.2009	2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	224.527	92.758	13,6 triệu Euro	343.446	343.446	
II	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**							**1.773.849**	**309.365**			**1.464.484**	**1.007.292**	**357.192**
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang***							***1.023.849***	***192.945***			***830.904***	***633.786***	***197.118***
a	***Dự án nhóm B***							***1.023.849***	***192.945***			***830.904***	***633.786***	***197.118***
1	Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng CSHT để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL" - ICRSL	7605935	Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển, Trần Văn Thời, Phú Tân, U Minh	WB	11/07/2016	2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016; 1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	792.884	135.825		35,59 triệu USD	657.059	459.941	197.118
2	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"	7731818	U Minh	KFW	27/04/2018	2022	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	57.120		9,3 triệu Euro	173.845	173.845	
2	***Danh mục dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025***							***750.000***	***116.420***			***633.580***	***373.506***	***160.074***
a	***Dự án nhóm B***							***750.000***	***116.420***			***633.580***	***373.506***	***160.074***
1	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa Sông Đốc đến cửa sông Bảy Háp, tỉnh Cà Mau		Huyện Phú Tân, Trần Văn Thời	Cơ quan Phát triển Pháp		2019-2024	1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019	750.000	116.420		28,2 triệu Euro	633.580	373.506	160.074

TT	Danh mục dự án	Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng: Tổng số	Vốn đối ứng: Trong đó: vốn NSTW	Vốn nước ngoài (Quy đổi ra tiền Việt): Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng: Tổng số	Vốn đối ứng: Trong đó: vốn NSTW	Vốn nước ngoài (Quy đổi ra tiền Việt): Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Kế hoạch năm 2021: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng: Tổng số	Vốn đối ứng: Trong đó: vốn NSTW	Vốn nước ngoài (Quy đổi ra tiền Việt): Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại
1	*2*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*
	TỔNG SỐ	**255.530**	**62.151**	**13.536**	**203.274**	**148.379**	**54.895**	**265.425**	**62.151**	**13.536**	**203.274**	**148.379**	**54.895**	**373.466**	**39.466**	**23.766**	**231.000**	**265.000**	**69.000**
I	**MÔI TRƯỜNG**	**35.268**	**21.852**	**13.536**	**13.416**	**13.416**		**35.268**	**21.852**	**13.536**	**13.416**	**13.416**		**127.266**	**24.266**	**23.766**		**103.000**	
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang***	***35.268***	***21.852***	***13.536***	***13.416***	***13.416***		***35.268***	***21.852***	***13.536***	***13.416***	***13.416***		***127.266***	***24.266***	***23.766***		***103.000***	
a	***Dự án nhóm B***	***35.268***	***21.852***	***13.536***	***13.416***	***13.416***		***35.268***	***21.852***	***13.536***	***13.416***	***13.416***		***127.266***	***24.266***	***23.766***		***103.000***	
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	35.268	21.852	13.536	13.416	13.416		35.268	21.852	13.536	13.416	13.416		127.266	24.266	23.766		103.000	
II	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**	**220.262**	**40.299**		**189.858**	**134.963**	**54.895**	**230.157**	**40.299**		**189.858**	**134.963**	**54.895**	**246.200**	**15.200**		**231.000**	**162.000**	**69.000**
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang***	***218.262***	***38.299***		***189.858***	***134.963***	***54.895***	***228.157***	***38.299***		***189.858***	***134.963***	***54.895***	***241.200***	***10.200***		***231.000***	***162.000***	***69.000***
a	***Dự án nhóm B***	***218.262***	***38.299***		***189.858***	***134.963***	***54.895***	***228.157***	***38.299***		***189.858***	***134.963***	***54.895***	***241.200***	***10.200***		***231.000***	***162.000***	***69.000***
1	Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng CSHT để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL" - ICRSL	218.262	38.299		189.858	134.963	54.895	228.157	38.299		189.858	134.963	54.895	240.000	10.000		230.000	161.000	69.000
2	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"													1.200	200		1.000	1.000	
2	***Danh mục dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025***	***2.000***	***2.000***					***2.000***	***2.000***					***5.000***	***5.000***				
a	***Dự án nhóm B***	***2.000***	***2.000***					***2.000***	***2.000***					***5.000***	***5.000***				
1	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa Sông Đốc đến cửa sông Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	2.000	2.000					2.000	2.000					5.000	5.000				

TT	Danh mục dự án	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021-2025: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng: Tổng số	Vốn đối ứng: Trong đó: vốn NSTW	Vốn nước ngoài (Quy đổi ra tiền Việt): Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng: Tổng số	Vốn đối ứng: Trong đó: vốn NSTW	Vốn nước ngoài (Quy đổi ra tiền Việt): Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Ghi chú
1	*2*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*	*39*	*40*	*41*	*42*	*43*	*44*	*45*	*46*
	TỔNG SỐ	**2.052.871**	**448.215**	**79.222**	**1.604.656**	**1.202.359**	**302.297**	**2.052.871**	**448.215**	**79.222**	**1.604.656**	**1.202.359**	**302.297**	
I	**MÔI TRƯỜNG**	**532.705**	**202.675**	**79.222**	**330.030**	**330.030**		**532.705**	**202.675**	**79.222**	**330.030**	**330.030**		
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang***	***532.705***	***202.675***	***79.222***	***330.030***	***330.030***		***532.705***	***202.675***	***79.222***	***330.030***	***330.030***		
a	***Dự án nhóm B***	***532.705***	***202.675***	***79.222***	***330.030***	***330.030***		***532.705***	***202.675***	***79.222***	***330.030***	***330.030***		
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	532.705	202.675	79.222	330.030	330.030		532.705	202.675	79.222	330.030	330.030		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**	**1.520.166**	**245.540**		**1.274.626**	**872.329**	**302.297**	**1.520.166**	**245.540**		**1.274.626**	**872.329**	**302.297**	
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang***	***772.166***	***131.120***		***641.046***	***498.823***	***142.223***	***772.166***	***131.120***		***641.046***	***498.823***	***142.223***	
a	***Dự án nhóm B***	***772.166***	***131.120***		***641.046***	***498.823***	***142.223***	***772.166***	***131.120***		***641.046***	***498.823***	***142.223***	
1	Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng CSHT để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL" - ICRSL	541.201	74.000		467.201	324.978	142.223	541.201	74.000		467.201	324.978	142.223	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"	230.965	57.120		173.845	173.845		230.965	57.120		173.845	173.845		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	***Danh mục dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025***	***748.000***	***114.420***		***633.580***	***373.506***	***160.074***	***748.000***	***114.420***		***633.580***	***373.506***	***160.074***	
a	***Dự án nhóm B***	***748.000***	***114.420***		***633.580***	***373.506***	***160.074***	***748.000***	***114.420***		***633.580***	***373.506***	***160.074***	
1	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa Sông Đốc đến cửa sông Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	748.000	114.420		633.580	373.506	160.074	748.000	114.420		633.580	373.506	160.074	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC III

DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 35 /NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư: Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư: TMĐT: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định đầu tư: TMĐT: Trong đó: NSTW	Năm 2021: Kế hoạch: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Năm 2021: Kế hoạch: Trong đó: NSTW	Năm 2021: Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Năm 2021: Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021: Trong đó: NSTW	Năm 2021: Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Năm 2021: Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022: Trong đó: NSTW	Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021: Trong đó: NSTW	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: NSTW: Tổng số	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Dự kiến kế hoạch 2022: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến kế hoạch 2022: Trong đó: NSTW: Tổng số	Dự kiến kế hoạch 2022: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Dự kiến kế hoạch 2022: Trong đó: NSTW: Trong đó: Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Ghi chú	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	TỔNG SỐ					**11.549.702**	**7.914.517**	**1.250.361**	**1.112.280**	**369.741**	**339.888**	**982.472**	**947.391**	**3.510.917**	**2.740.739**	**8.956.275**	**6.089.473**	**182.373**		**1.072.000**	**740.000**				
A	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**					**3.322.575**	**2.347.313**	**1.777**		**505**		**1.777**		**14.332**		**3.322.575**	**2.347.313**			**230.000**	**220.000**				
I	**Thực hiện dự án**					**3.322.575**	**2.347.313**	**1.777**		**505**		**1.777**		**14.332**		**3.322.575**	**2.347.313**			**230.000**	**220.000**				
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**					**3.322.575**	**2.347.313**	**1.777**		**505**		**1.777**		**14.332**		**3.322.575**	**2.347.313**			**230.000**	**220.000**				
a	***Dự án nhóm A***					***3.322.575***	***2.347.313***	***1.777***		***505***		***1.777***		***14.332***		***3.322.575***	***2.347.313***			***230.000***	***220.000***				
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	TP. Cà Mau	1.200 giường	2020 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	3.322.575	2.347.313	1.777		505		1.777		14.332		3.322.575	2.347.313			230.000	220.000				Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
B	**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**					**991.813**	**746.549**	**190.670**	**157.866**	**126.214**	**109.866**	**167.453**	**134.649**	**813.858**	**549.964**	**211.670**	**157.866**	**82.373**							
I	**Thực hiện dự án**					**991.813**	**746.549**	**190.670**	**157.866**	**126.214**	**109.866**	**167.453**	**134.649**	**813.858**	**549.964**	**211.670**	**157.866**	**82.373**							
(1)	**Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021**					**991.813**	**746.549**	**190.670**	**157.866**	**126.214**	**109.866**	**167.453**	**134.649**	**813.858**	**549.964**	**211.670**	**157.866**	**82.373**							
a	***Dự án nhóm B***					***668.905***	***444.368***	***95.182***	***62.378***	***38.835***	***22.487***	***71.965***	***39.161***	***575.489***	***364.145***	***116.182***	***62.378***	***885***							
1	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Đầm Dơi	2.773 m	2016-2020	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1268/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 30/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	220.000	159.400	27.517	27.517	186	186	4.300	4.300	218.400	159.400	27.517	27.517								Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
2	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Năm Căn	826,6 m	2014-2023	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	89.741	35.000	25.000	25.000	12.500	12.500	25.000	25.000	35.000	35.000	25.000	25.000								Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	U Minh	700 chiếc/150 CV	2016-2021	1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; 1064/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; 1603/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	140.871	93.864	30.780	7.976	19.934	7.976	30.780	7.976	135.968	93.864	30.780	7.976								Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	UM, TVT	Các hạng mục	2016-2021	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1585/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	73.733	26.000	11.000	1.000	5.338	948	11.000	1.000	52.600	26.000	32.000	1.000								Chi cục Kiểm lâm
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2008 2010)	U Minh	8.527 ha	2010-2015	936/QĐ-UBND 12/6/2008	144.560	130.104	885	885	877	877	885	885	133.521	49.881	885	885	885						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
b	***Dự án nhóm C***					***322.908***	***302.181***	***95.488***	***95.488***	***87.379***	***87.379***	***95.488***	***95.488***	***238.369***	***185.819***	***95.488***	***95.488***	***81.488***							
1	Dự án đầu tư khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	Năm Căn	Các hạng mục	2007-2010	469/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	46.985	46.985	3.528	3.528	3.528	3.528	3.528	3.528	39.637	11.197	3.528	3.528	3.528						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
2	Dự án khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân (Điểm vàm kênh Cái Cám)	Phú Tân	Các hạng mục	2010-2017	1341/QĐ-UBND 06/8/2009	69.701	67.111	98	98	98	98	98	98	56.944	32.834	98	98	98						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
																		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
3	Nạo vét các kênh mương các huyện Trần Văn Thời; U Minh và Thới Bình và nạo vét Kênh 29 (Khai Hoang - Đê biển Tây) thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau giai đoạn II (2013 - 2016)	H.TVT, UM, TB	15ha	2016	Nhiều dự án	14.000	14.000	13.442	13.442	13.440	13.440	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442	13.442						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
4	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng 05 mạng nước tập trung nông thôn	Các huyện: TVT, UM, NC	138m3/h	2016	255/QĐ-SXD ngày 14/9/2016; 256/QĐ-SXD ngày 14/9/2016; 261/QĐ-SXD ngày 23/9/2016; 264/QĐ-SXD ngày 28/9/2016; 265/QĐ-SXD ngày 28/9/2016	21.940	18.965	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385	4.385						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
5	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt trên đảo Hòn Khoai, tỉnh Cà Mau	Huyện Ngọc Hiển	Ngân mặn	2016	1370/QĐ-UBND ngày 19/9/1013	33.441	33.441	12.000	12.000	11.999	11.999	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
6	Công trình cấp nước tập trung nông thôn chợ Vàm Cái Tàu, xã Khánh An; Công trình cấp nước tập trung nông thôn Kênh T29 - T93, Nguyễn Phích, huyện U Minh	Huyện U Minh	30m3/h	2016	378/QĐ-SXD ngày 15/12/2016; 390/QĐ-SXD ngày 26/12/2016	8.378	7.541	7.541	7.541	7.540	7.540	7.541	7.541	7.541	7.541	7.541	7.541	7.541						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
7	Công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Nguyễn Việt Khái, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân	30m3/h	2016	401/QĐ-SXD ngày 29/12/2016; 397/QĐ-SXD ngày 27/12/2016	18.028	13.000	13.000	13.000	12.999	12.999	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
8	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp 10A, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời; Trại Lưới B, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	H.TVT, NC	Các hạng mục	2016	379/QĐ-SXD ngày 15/12/2016; 410/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	12.557	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999	8.999						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
9	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp Hưng Hiệp, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân	30m3/h	2016	409/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	5.968	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
10	Công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	25m3/h	2016	399/QĐ-SXD ngày 30/12/2016	6.171	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495	4.495						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
11	Công trình cấp nước tập trung nông thôn ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	TP Cà Mau	203/h	2016	377/QĐ-SXD ngày 15/12/2016	6.095	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
12	Cống Kênh Xáng Mới thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh	Ngân mặn	2016	446/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	14.723	14.723	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000						Hoàn trả tạm ứng NSTW	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
13	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở tại cửa biển Hương Mai (đoạn từ cống Hương Mai đến đê biển Tây), xã Khánh Tiến, huyện U Minh	U Minh	1.143m	2019-2021	1226/QĐ-UBND ngày 25/7/2019; 1061/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	64.921	64.921	14.000	14.000	5.896	5.896	14.000	14.000	63.926	63.926	14.000	14.000								Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
C	**LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**					**217.078**	**204.490**	**74.250**	**74.250**	**56.272**	**43.772**	**74.250**	**74.250**	**216.990**	**204.490**	**74.250**	**74.250**								
(1)	**Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021**					**217.078**	**204.490**	**74.250**	**74.250**	**56.272**	**43.772**	**74.250**	**74.250**	**216.990**	**204.490**	**74.250**	**74.250**								
a	***Dự án nhóm B***					***217.078***	***204.490***	***74.250***	***74.250***	***56.272***	***43.772***	***74.250***	***74.250***	***216.990***	***204.490***	***74.250***	***74.250***								
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư Khu kinh tế Năm Căn	Năm Căn	25 ha	2018-2021	1763/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1269/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1054/QĐ-UBND ngày 12/6/2020; 2547/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1081/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	217.078	204.490	74.250	74.250	56.272	43.772	74.250	74.250	216.990	204.490	74.250	74.250								Ban Quản lý Khu kinh tế
D	**GIAO THÔNG**					**6.033.563**	**4.176.822**	**785.398**	**785.398**	**151.665**	**151.665**	**667.000**	**667.000**	**1.979.618**	**1.625.398**	**4.744.075**	**3.359.822**	**100.000**		**640.000**	**480.000**				
I	**Thực hiện dự án**					**6.033.563**	**4.176.822**	**785.398**	**785.398**	**151.665**	**151.665**	**667.000**	**667.000**	**1.979.618**	**1.625.398**	**4.744.075**	**3.359.822**	**100.000**		**640.000**	**480.000**				
(1)	**Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021**					**1.612.488**	**1.140.000**	**323.000**	**323.000**	**151.665**	**151.665**	**323.000**	**323.000**	**1.517.220**	**1.163.000**	**323.000**	**323.000**	**100.000**							
a	***Dự án nhóm B***					***1.612.488***	***1.140.000***	***323.000***	***323.000***	***151.665***	***151.665***	***323.000***	***323.000***	***1.517.220***	***1.163.000***	***323.000***	***323.000***	***100.000***							
1	Đề án xây dựng 1.588 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Các H, TP	1.588 cầu GTNT	2009 - 2010	1642/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	452.770	100.000	100.000	100.000			100.000	100.000	452.770	100.000	100.000	100.000	100.000						Dự kiến bố trí KHV NSTW năm 2021 để thu hồi tạm ứng vốn khi được TTCP bổ sung danh mục vào KHĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2022				Ghi chú	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 30/9/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022					Trong đó: NSTW				Trong đó: NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó:* *Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	*Trong đó:* *Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó:* *Thu hồi các khoản vốn ứng trước*	*Trong đó:* *Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	Các huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn	CTGT đường cấp II; cầu cấp III, IV.	2017-2022	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	1.159.718	1.040.000	223.000	223.000	151.665	151.665	223.000	223.000	1.064.450	1.063.000	223.000	223.000							Đã kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh tăng KHĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 23 tỷ đồng, dự kiến sẽ bố trí vốn thực hiện trong năm 2021 (giảm KHV Dự án Bến cập tàu Bãi Nhò và đường tuần tra trên Đảo Hòn Khoai)	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
(2)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**					**2.924.247**	**1.833.468**	**462.398**	**462.398**			**344.000**	**344.000**	**462.398**	**462.398**	**2.924.247**	**1.833.468**			**400.000**	**300.000**				
a	***Dự án nhóm B***					***2.924.247***	***1.833.468***	***462.398***	***462.398***			***344.000***	***344.000***	***462.398***	***462.398***	***2.924.247***	***1.833.468***			***400.000***	***300.000***				
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào	ĐD, CN, TVT	18 km, 02 cầu lớn	2021 - 2024	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	1.300.000	462.398	462.398			344.000	344.000	462.398	462.398	2.149.476	1.300.000			250.000	150.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)	TP.CM, Đầm Dơi	19,2 km	2021 - 2024	2057/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	774.771	533.468									774.771	533.468			150.000	150.000			Đã kiến nghị điều chỉnh giảm KHV 100 tỷ đồng để hoàn ứng NSTW	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
(3)	**Các dự án khởi công mới năm 2022**					**1.496.828**	**1.203.354**									**1.496.828**	**1.203.354**			**240.000**	**180.000**				
a	***Dự án nhóm B***					***1.496.828***	***1.203.354***									***1.496.828***	***1.203.354***			***240.000***	***180.000***				
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	Cái Nước, Phú Tân	25,3km, 01 cầu	2022 - 2025	1288/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	736.437	623.007									736.437	623.007			130.000	100.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	U Minh	18,3km, 03 cầu	2022 - 2025	1289/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	760.391	580.347									760.391	580.347			110.000	80.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
E	**MÔI TRƯỜNG**					**567.973**	**92.758**	**127.266**	**23.766**	**992**	**492**	**992**	**492**	**162.534**	**37.302**	**532.705**	**79.222**			**202.000**	**40.000**				
I	**Thực hiện dự án**					**567.973**	**92.758**	**127.266**	**23.766**	**992**	**492**	**992**	**492**	**162.534**	**37.302**	**532.705**	**79.222**			**202.000**	**40.000**				
(1)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022**					**567.973**	**92.758**	**127.266**	**23.766**	**992**	**492**	**992**	**492**	**162.534**	**37.302**	**532.705**	**79.222**			**202.000**	**40.000**				
a	***Dự án nhóm B***					***567.973***	***92.758***	***127.266***	***23.766***	***992***	***492***	***992***	***492***	***162.534***	***37.302***	***532.705***	***79.222***			***202.000***	***40.000***				
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	Thành phố Cà Mau	8.000m^3/ngày đêm	Đến tháng 9/2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	92.758	127.266	23.766	992	492	992	492	162.534	37.302	532.705	79.222			202.000	40.000			Đã kiến nghị điều chỉnh KHV năm 2021 là 126,274 tỷ đồng (trong đó, ODA là 103 tỷ đồng, vốn đối ứng NSTW là 23,274 tỷ đồng)	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
F	**LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG**					**416.700**	**346.585**	**71.000**	**71.000**	**34.093**	**34.093**	**71.000**	**71.000**	**323.585**	**323.585**	**71.000**	**71.000**								
(1)	**Các dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021**					**416.700**	**346.585**	**71.000**	**71.000**	**34.093**	**34.093**	**71.000**	**71.000**	**323.585**	**323.585**	**71.000**	**71.000**								
a	***Dự án nhóm B***					***416.700***	***346.585***	***71.000***	***71.000***	***34.093***	***34.093***	***71.000***	***71.000***	***323.585***	***323.585***	***71.000***	***71.000***								
1	Dự án xây dựng bến cập tàu Bãi Nhò và đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai	Đảo Hòn Khoai, Huyện Ngọc Hiển	Bến cập tàu 400CV; Đường tuần tra cấp VI miền núi: 10,4km	2016-2021	19/QĐ-UBND ngày 03/02/2016; 296/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 244/QĐ-UBND ngày 21/6/2021; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	416.700	346.585	71.000	71.000	34.093	34.093	71.000	71.000	323.585	323.585	71.000	71.000							Đã kiến nghị điều chỉnh giảm KHV 23 tỷ đồng để bổ sung cho Dự án tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau và cầu qua sông Cái Nai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 35 /NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư: Số quyết định	Quyết định đầu tư: TMĐT: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT: Trong đó: Vốn đối ứng: Tổng số	TMĐT: Vốn đối ứng: Trong đó: vốn NSTW	TMĐT: Vốn nước ngoài (theo Hiệp định): Tính bằng nguyên tệ	TMĐT: Vốn nước ngoài: Quy đổi ra tiền Việt: Tổng số	TMĐT: Vốn nước ngoài: Quy đổi ra tiền Việt: Trong đó: Đưa vào cân đối NSTW	TMĐT: Vốn nước ngoài: Quy đổi ra tiền Việt: Trong đó: Vay lại	Năm 2021: Kế hoạch: Tổng số	Kế hoạch: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Tổng số	Kế hoạch: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Kế hoạch: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 30/9/2021: Tổng số	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 30/9/2021: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Tổng số	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 30/9/2021: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 30/9/2021: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/01/2022: Tổng số	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/01/2022: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Tổng số	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/01/2022: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/01/2022: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Tổng số	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Tổng số	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Dự kiến KH năm 2022: Tổng số	Dự kiến KH năm 2022: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Tổng số	Dự kiến KH năm 2022: Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW: Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Dự kiến KH năm 2022: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Ghi chú	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	TỔNG SỐ						**2.081.748**	**533.892**	**92.758**		**1.807.930**	**1.350.738**	**357.192**	**373.466**	**23.766**		**265.000**	**61.900**	**189**		**36.310**	**129.192**	**492**		**77.000**	**2.064.766**	**193.642**		**1.202.359**	**375.000**	**40.000**		**275.000**		
A	**VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**						**2.081.748**	**533.892**	**92.758**		**1.807.930**	**1.350.738**	**357.192**	**373.466**	**23.766**		**265.000**	**61.900**	**189**		**36.310**	**129.192**	**492**		**77.000**	**2.064.766**	**193.642**		**1.202.359**	**375.000**	**40.000**		**275.000**		
I	**MÔI TRƯỜNG**						**567.973**	**224.527**	**92.758**		**343.446**	**343.446**		**127.266**	**23.766**		**103.000**	**689**	**189**			**992**	**492**		**0**	**532.705**	**79.222**		**330.030**	**202.000**	**40.000**		**160.000**		
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022***						***567.973***	***224.527***	***92.758***		***343.446***	***343.446***		***127.266***	***23.766***		***103.000***	***689***	***189***			***992***	***492***		***0***	***532.705***	***79.222***		***330.030***	***202.000***	***40.000***		***160.000***		
a	***Dự án nhóm B***						***567.973***	***224.527***	***92.758***		***343.446***	***343.446***		***127.266***	***23.766***		***103.000***	***689***	***189***			***992***	***492***		***0***	***532.705***	***79.222***		***330.030***	***202.000***	***40.000***		***160.000***		
(1)	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	Italia	22.5.2009	2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	224.527	92.758	13,6 triệu Euro	343.446	343.446		127.266	23.766		103.000	689	189			992	492			532.705	79.222		330.030	202.000	40.000		160.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**						**1.513.775**	**309.365**			**1.464.484**	**1.007.292**	**357.192**	**246.200**			**162.000**	**61.211**			**36.310**	**128.200**			**77.000**	**1.532.061**	**114.420**		**872.329**	**173.000**			**115.000**		
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022***						***1.023.849***	***192.945***			***830.904***	***633.786***	***197.118***	***241.200***			***162.000***	***59.592***			***36.310***	***123.200***			***77.000***	***782.061***			***498.823***	***173.000***			***115.000***		
a	***Dự án nhóm B***						***1.023.849***	***192.945***			***830.904***	***633.786***	***197.118***	***241.200***			***162.000***	***59.592***			***36.310***	***123.200***			***77.000***	***782.061***			***498.823***	***173.000***			***115.000***		
(1)	Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng CSHT để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL" - ICRSL	7605935	WB	11/07/2016	2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016; 1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	792.884	135.825		35,59 triệu USD	657.059	459.941	197.118	240.000			161.000	59.592			36.310	123.000			77.000	551.096			324.978	160.000			105.000	Đã kiến nghị điều chỉnh KHV năm 2021 là 117 tỷ đồng (trong đó, ODA là 84 tỷ đồng, vốn vay lại NSĐP là 33 tỷ đồng)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(2)	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"	7731818	KFW	27/04/2018	2022	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	57.120		9,3 triệu Euro	173.845	173.845		1.200			1.000					200				230.965			173.845	13.000			10.000	Đã kiến nghị điều chỉnh KHV ODA năm 2021 là 1 tỷ đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	***Danh mục dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***						***489.926***	***116.420***			***633.580***	***373.506***	***160.074***	***5.000***				***1.619***				***5.000***				***750.000***	***114.420***		***373.506***						
a	***Dự án nhóm B***						***489.926***	***116.420***			***633.580***	***373.506***	***160.074***	***5.000***				***1.619***				***5.000***				***750.000***	***114.420***		***373.506***						
(1)	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	7791469	Cơ quan Phát triển Pháp			1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019	489.926	116.420		28,2 triệu Euro	633.580	373.506	160.074	5.000				1.619				5.000				750.000	114.420		373.506						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn